

Số: 583 /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2018

## THÔNG BÁO

### Về công tác tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy - Khóa 59

**Kính gửi:** - Các Khoa quản lý sinh viên;  
- Sinh viên Đại học hệ chính quy khóa 59.

#### 1. Tổ chức đào tạo

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2018 và chương trình đào tạo của các ngành.

Nhà trường tổ chức đào tạo đối với sinh viên hệ chính quy khóa 59 theo ngành, chuyên ngành và các chương trình (chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao) bao gồm:

TT	Ngành	Chuyên ngành và chương trình đào tạo
1	Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15 chuyên ngành
2	Ngành Kỹ thuật xây dựng Công trình thủy	01 chuyên ngành
3	Ngành Kỹ thuật xây dựng	04 chuyên ngành
4	Ngành Kỹ thuật cơ khí	10 chuyên ngành
5	Ngành Kỹ thuật nhiệt	02 chuyên ngành
6	Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	03 chuyên ngành
7	Ngành Kỹ thuật điện	02 chuyên ngành
8	Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	02 chuyên ngành
9	Ngành Quản trị kinh doanh	04 chuyên ngành
10	Ngành Kinh tế	01 chuyên ngành
11	Ngành Kinh tế xây dựng	02 chuyên ngành
12	Ngành Quản lý xây dựng	01 chuyên ngành
13	Ngành Kế toán	01 chuyên ngành
14	Ngành Khai thác vận tải	05 chuyên ngành
15	Ngành Kinh tế vận tải	03 chuyên ngành
16	Ngành Kỹ thuật môi trường	01 chuyên ngành
17	Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông	01 chuyên ngành
18	Chương trình tiên tiến và chương trình Chất lượng cao	01 CTTT và 06 CT CLC
19	Ngành Toán ứng dụng	01 chuyên ngành
20	Ngành Công nghệ thông tin (tổ chức đào tạo theo ngành)	

## 2. Nguyên tắc tổ chức lớp đào tạo

- Đối với các ngành có 01 chuyên ngành; các ngành đã được tuyển sinh theo chuyên ngành hoặc được tổ chức đào tạo theo ngành thì sinh viên được xếp vào lớp theo đúng ngành/chuyên ngành đã trúng tuyển.

- Đối với các chương trình tiên tiến và chất lượng cao thuộc mã xét tuyển GHA-32 sinh viên đăng ký và được xếp lớp chuyên ngành theo nguyện vọng trong thời gian nhập học

- Ngoài các ngành và chương trình nêu trên, đối với những ngành và nhóm chuyên ngành tổ chức đào tạo từ 02 chuyên ngành trở lên thì sinh viên sẽ được xếp lớp chuyên ngành theo nguyện vọng sau khi kết thúc năm thứ 2 (trong 2 năm đầu được xếp lớp học theo ngành, nhóm ngành).

## 3. Tổ chức các lớp theo ngành/chuyên ngành/chương trình

### 3.1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật XD Cầu đường bộ	GHA-01	Sinh viên học theo đúng chuyên ngành đã trúng tuyển
2	Kỹ thuật XD Đường bộ	GHA-02	
3	Kỹ thuật XD Cầu hầm	GHA-03	
4	Kỹ thuật XD Đường sắt	GHA-04	
5	Kỹ thuật XD Cầu - Đường sắt	GHA-05	
6	Kỹ thuật XD Cầu - Đường ô tô - Sân bay	GHA-06	
7	Kỹ thuật XD Đường ô tô - Sân bay	GHA-07	
8	Công trình giao thông công chính	GHA-08	
9	Công trình giao thông đô thị	GHA-09	
10	Tự động hóa thiết kế cầu đường	GHA-10	
11	Kỹ thuật giao thông đường bộ	GHA-11	
12	Kỹ thuật xây dựng Đường sắt đô thị	GHA-12	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
13	Kỹ thuật XD Đường hầm và Metro		
14	Địa kỹ thuật công trình giao thông		
15	Kỹ thuật GIS và trắc địa CTGT		

### 3.2. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Cảng đường thủy	GHA14	Lớp theo ngành TT

### 3.3. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Xây dựng công trình DD&CN	GHA15	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Kết cấu xây dựng		
3	Vật liệu và công nghệ xây dựng		
4	Kỹ thuật hạ tầng đô thị		

### 3.4. Ngành Kỹ thuật Cơ khí

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
<b>3.4.1. Nhóm Kỹ thuật Cơ khí</b>			
1	Công nghệ chế tạo cơ khí	GHA16	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Tự động hóa thiết kế cơ khí		
3	Cơ điện tử		
<b>3.4.2. Nhóm Kỹ thuật Ô tô</b>			
1	Cơ khí ô tô	GHA17	Lớp theo ngành TT
<b>3.4.3. Nhóm Kỹ thuật Cơ khí động lực</b>			
1	Máy xây dựng	GHA18	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Cơ giới hóa xây dựng cầu đường		
3	Kỹ thuật máy động lực		
4	Tàu điện - metro		

### 3.5. Ngành Kỹ thuật nhiệt

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật nhiệt lạnh	GHA19	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Điều hòa không khí và thông gió các công trình xây dựng		

### 3.6. Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật điện tử và tin học công nghiệp	GHA20	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Kỹ thuật thông tin và truyền thông		
3	Kỹ thuật viễn thông		

### 3.7. Ngành Kỹ thuật Điện

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Trang bị điện trong công nghiệp và GTVT	GHA21	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Hệ thống điện giao thông và công nghiệp		

### 3.8. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật ĐK&TĐH giao thông	GHA22	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Tự động hóa		

### 3.9. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Công nghệ thông tin	GHA23	Lớp theo ngành TT

### 3.10. Ngành Kinh tế Xây dựng

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kinh tế quản lý khai thác cầu đường	GHA24	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Kinh tế xây dựng công trình giao thông		

### 3.11. Ngành Quản lý xây dựng

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Quản lý xây dựng	GHA13	Lớp theo ngành TT

### 3.12. Ngành Kinh tế vận tải

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kinh tế vận tải ô tô	GHA25	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Kinh tế vận tải đường sắt		
3	Kinh tế vận tải và du lịch		

### 3.13. Ngành Khai thác vận tải

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Khai thác vận tải đường sắt đô thị	GHA26	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Khai thác vận tải đa phương thức		
3	Khai thác vận tải đường bộ thành phố		
4	Quy hoạch và quản lý GTVT đô thị		
5	Logistics		

### 3.14. Ngành Kế toán

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kế toán tổng hợp	GHA27	Lớp theo ngành TT

### 3.15. Ngành Kinh tế

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kinh tế Bru chính viễn thông	GHA28	Lớp theo ngành TT

### 3.16. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	GHA29	Sinh viên được xếp chuyên ngành theo nguyện vọng sau 2 năm học
2	Quản trị doanh nghiệp bu chính viễn thông		
3	Quản trị kinh doanh giao thông vận tải		
4	Quản trị Logistics		

### 3.17. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật An toàn giao thông	GHA30	Lớp theo ngành TT

### 3.18. Ngành Kỹ thuật Môi trường

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Kỹ thuật Môi trường	GHA31	Lớp theo ngành TT

### 3.19. Ngành Toán ứng dụng

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
1	Toán ứng dụng	GHA36	Lớp theo ngành TT

### 3.20. Chương trình tiên tiến, Chương trình Chất lượng cao (thuộc khoa ĐTQT)

TT	Tên lớp chuyên ngành	Mã xét tuyển	Ghi chú
<b>Ngành Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông (khoa Đào tạo Quốc tế)</b>			
1	Cầu - Đường bộ Việt - Anh	GHA32	Sinh viên được xếp lớp (chương trình) theo nguyện vọng
2	Cầu - Đường bộ Việt - Pháp		
3	Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật		
4	Chương trình tiên tiến		
<b>Ngành Kỹ thuật xây dựng (khoa Đào tạo Quốc tế)</b>			
1	Vật liệu và Công nghệ Việt - Pháp	GHA33	Lớp theo ngành TT
<b>Ngành Kinh tế xây dựng (khoa Đào tạo Quốc tế)</b>			
1	Kinh tế xây dựng CTGT Việt - Anh	GHA34	Lớp theo ngành TT
<b>Ngành Kế toán (khoa Đào tạo Quốc tế)</b>			
1	Kế toán tổng hợp Việt - Anh	GHA35	Lớp theo ngành TT

Trên đây là những nội dung công tác tổ chức đào tạo đối với sinh viên Đại học hệ chính quy khóa 59. Thông báo này thay thế thông báo số 550/TB-ĐHGTVT về tổ chức đào tạo đối với sinh viên Đại học hệ chính quy khóa 59.

Nhà trường yêu cầu phòng Đào tạo Đại học, các Khoa quản lý sinh viên và toàn thể sinh viên khóa 59 triển khai thực hiện theo đúng quy định. *ĐHC*

**Nơi nhận:**

- BGH (để chỉ đạo);
- Như trên;
- Phòng ĐTĐH, HCTH.

**K/T. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương**